

Phụ lục 1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KỶ QUY HOẠCH 2021-2030 HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
1	Đất quốc phòng								
-	Trụ sở xã đội xã Hưng Hòa	CQP	1,92		1,92	TSC	Hưng Hòa	Thửa 694, tờ số 14	Đang làm thủ tục cấp GCN QSDĐ
-	Doanh trại Trung đội dân quân thường trực huyện Bầu Bàng	CQP	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN và đô thị Bầu Bàng	Thuộc KCN và đô thị Bầu Bàng
-	Chốt dân quân khu phố Cây Sắn	CQP	0,03		0,03	DSH	Lai Uyên	Thửa 74, tờ bản đồ số 25	Lấy quỹ đất VP KP Cây Sắn cũ; Đất công
-	Ban chỉ huy quân sự xã Trừ Văn Thố	CQP	0,38		0,38	DSH	Trừ Văn Thố	Thửa 26, tờ bản đồ 4	Chung trong khu văn phòng ấp 4; BCH Quân sự Huyện đăng ký 0,6ha
-	Công trình chiến đấu QĐ4	CQP	9,81		9,81	CLN	Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Lai Uyên: Thửa 147, Tờ bản đồ 1; Thửa 93, tờ 17; Thửa 99, tờ bản đồ 23; Thửa 110, tờ bản đồ 33 Trừ Văn Thố: Thửa 191, 64, 4580, Tờ bản đồ 24	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình chiến đấu huyện	CQP	15,00		15,00	CLN	Tân Hưng	Thửa 13, 15, 17, Tờ bản đồ 25	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình bảo đảm chiến đấu huyện	CQP	7,35		7,35	CLN	Long Nguyên	Thửa 268, tờ bản đồ 78; Thửa 5, tờ bản đồ 60; Thửa 18, tờ bản đồ 51	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
	Công trình chiến đấu huyện	CQP	40,00		40,00	CLN	Lai Uyên	Thửa 558, tờ bản đồ 26	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình chiến đấu tỉnh 1	CQP	15,00		15,00	CLN	Hưng Hòa	Thửa 23, 47, 24, Tờ bản đồ 14	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình chiến đấu tỉnh 2	CQP	120,00		120,00	CLN	Lai Hưng		Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình chiến đấu Bình chùng Tỉnh	CQP	10,00		10,00	CLN	Hưng Hòa	Thửa 10, Tờ bản đồ 13	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Đất quốc phòng	CQP	15,03		15,03	CLN	Lai Hưng	Một phần thửa 2507, tờ bản đồ 37	Báo cáo số 1056/BC-BCH ngày 1/12/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Công trình chiến đấu eBB6	CQP	1,20		1,20	CLN	Lai Hưng	Thửa số 1, tờ bản đồ 43	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Ban CHQS xã Cây Trường II	CQP	0,20		0,20	CLN	Cây Trường II	Thửa số 61, tờ bản đồ 5	Văn bản số 170/UBND-KT ngày 30/10/2020 của UBND xã Cây Trường về việc bổ sung đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 và KHSDĐ năm 2021
-	Ban CHQS thị trấn Lai Uyên	CQP	2,00		2,00	CLN	Lai Uyên	Ấp Xà Mách	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Ban CHQS xã Tân Hưng	CQP	0,89		0,89	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 25	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
-	Ban CHQS xã Lai Hưng	CQP	1,02		1,02	DVH	Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bầu Bàng
2	Đất an ninh								
-	Trung tâm huấn luyện PCCC&CNCH Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương (cơ sở 2)	CAN	1,50		1,50	CLN	Lai Hưng	Thửa 78, tờ số 03	

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Đội Cảnh sát PC&CC Khu vực huyện Bàu Bàng	CAN	0,50		0,50	CLN	Trừ Văn Thố		
-	Đồn công an huyện Bàu Bàng	CAN	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN và đô thị Bàu Bàng (Khu dân cư 5F)	Thuộc KCN và đô thị Bàu Bàng
-	Trụ sở công an xã Trừ Văn Thố	CAN	0,32		0,32	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 117, tờ số 5	Đất công; Đã nộp hồ sơ xin cấp GCN QSDĐ
-	Trụ sở công an xã Lai Hưng	CAN	0,86		0,86	DGD	Lai Hưng	Thửa 249, tờ số 40	
-	Trụ sở công an TT. Lai Uyên	CAN	0,32		0,32	DGD	Lai Uyên	Một phần thửa 5, tờ bản đồ 26	
-	Trụ sở công an xã Hưng Hòa	CAN	0,30		0,30	TSC	Hưng Hòa	Thửa 694, tờ số 14	Đang làm thủ tục cấp GCN QSDĐ
-	Trụ sở công an xã Tân Hưng	C AN	3,31		3,31	TSC	Tân Hưng	Một phần thửa 141, tờ bản đồ 25	
3	Đất khu công nghiệp								
-	Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng	SKK	892,20		892,20	CLN	Lai Uyên		Công văn số 1767/TTG-KTN ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh CSHT KCN Bàu Bàng mở rộng CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp Cây Trường	SKK	700,00		700,00	CLN	Cây Trường II		Quyết định số 3784/QĐ-UBND của UBND tỉnh CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp Lai Hưng	SKK	600,00		600,00	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 26, 25, 27, 28, 29, 30, 9	CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp khoa học công nghệ	SKK	401,00		401,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu công nghiệp Dầu Tiếng 4	SKK	230,22		230,22	CLN	Cây Trường II		Công văn số 899/CSDT-KT ngày 14/8/2020 v/v đăng ký nhu cầu để lập QHSDD đến năm 2030, KHSDĐ năm 2021 khu vực huyện Bàu Bàng
-	Khu công nghiệp Dầu Tiếng 1	SKK	1.180,15		1.180,15	CLN	Long Nguyên		Công văn số 899/CSDT-KT ngày 14/8/2020 v/v đăng ký nhu cầu để lập QHSDD đến năm 2030, KHSDĐ năm 2021 khu vực huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (Giai đoạn 2021-2023: 600ha)	SKK	1.022,39		1.022,39	CLN	Tân Hưng, Hưng Hòa	Hung Hòa: Thửa 121, Tờ bản đồ 3; Thửa 155, 175, Tờ bản đồ 13; Thửa 2, 18, 3, 4, 86, 19, 67, 68, 26, 17, tờ bản đồ 14 Tân Hưng: Thửa 2, tờ bản đồ 27; Thửa 2, 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 31, 34, 38, 39, 28, 23, 26, 30, 32, 25, 27, 46, 24, 42, 37, 35, 41, 36, 29, 1p22, 1p33, tờ bản đồ 28; Thửa 9, 14, 1, 2, 28, 12, 21, 3, 13, 8, 17, 10, 11, 1p15, tờ bản đồ 29	Công văn số 4087/UBND-KTTH ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về dự án KCN Tân Bình GD 2 Công văn số 883/2020/CV-KCNTB ngày 3/5/2020 của Công ty CP KCN Tân Bình v/v quy hoạch KCN Tân Bình mở rộng giai đoạn II Công văn số 364/2020/CV-KCNTB ngày 12/5/2020 của Công ty CP KCN Tân Bình v/v QHSDD KCN Tân Bình mở rộng GD II và Khu tái định cư, nhà ở công nhân Tân Bình
-	Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (Giai đoạn III)	SKK	166,62		166,62	CLN	Hưng Hòa	Tờ bản đồ 14	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDD giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
4	Đất khu chế xuất								
5	Đất cụm công nghiệp								
6	Đất thương mại dịch vụ								
-	Trạm dừng nghỉ đường bộ loại II	TMD	5,00		5,00	CLN	Lai Hưng	Thửa đất số 2, 11 tờ bản đồ số 42	Công văn số 1463/BGTVT ngày 19/3/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư trạm dừng nghỉ đường bộ
-	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu của công ty TNHH Tư vấn Khảo sát và Thiết kế Xây dựng Khánh Ly	TMD	0,07		0,07	CLN	Long Nguyên	Thửa 5, Tờ bản đồ 29	Công văn số 4412/BGTVT ngày 9/9/2020 của UBND tỉnh v/v chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu
-	Cửa hàng xăng dầu	TMD	0,21		0,21	CLN	Cây Trường II	Thửa 1002, Tờ bản đồ 6	Công văn số 61/TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TM XNK Thành Lễ)	TMD	0,19		0,19	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 552, 553, tờ bản đồ 23	
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TM XNK Thành Lễ)	TMD	0,18		0,18	CLN	Lai Hưng	Thửa 842, tờ bản đồ 9	
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH Gỗ Phú Thành Đạt)	TMD	0,30		0,30	CLN	Lai Uyên	Thửa 634, tờ bản đồ 37	Công văn số 61/TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Ông Đặng Thanh Tuấn)	TMD	0,32		0,32	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 218, tờ bản đồ 20	Công văn số 61/TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Ông Bùi Văn Lâm)	TMD	0,10		0,10	CLN	Lai Uyên	Thửa 467,492,501, tờ bản đồ 56	Công văn số 61/TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH Dầu khí Trọng Nghĩa)	TMD	0,27		0,27	CLN	Lai Hưng	Thửa 584, tờ bản đồ 26	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Dự án dịch vụ logistics	TMD	4,69		4,69	CLN	Long Nguyên	Thửa 305, tờ bản đồ 38	Quyết định chủ trương đầu tư số 2311/UBND-KTN ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Khu logistics	TMD	290,00		290,00	CLN	Tân Hưng		Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDD đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Siêu thị Bàu Bàng	TMD	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN Bàu Bàng	Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chuyển mục đích đất thương mại dịch vụ hộ gia đình cá nhân	TMD	50,00		50,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp								
-	Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu ngành dệt may	SKC	1,07		1,07	CLN	Long Nguyên	Thửa 1399, tờ bản đồ 77	Quyết định chủ trương đầu tư số 1800/UBND-KTN ngày 6/7/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Dự án sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng	SKC	11,30		11,30	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 42	Quyết định chủ trương đầu tư số 2426/UBND-KTN ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Đầu giá khu đất thu hồi của công ty TNHH FriesLand Campina Việt Nam	SKC	0,38		0,38	SKC	Lai Uyên	Thửa 120, tờ bản đồ 40	
-	Nhà máy cung cấp nước sạch	SKC	0,48		0,48	CLN	Cây Trường II	Thửa số 31, tờ bản đồ 30	Lấy quỹ đất công ấp bà Tứ
-	Trạm cấp nước sạch	SKC	0,41		0,41	CLN	Cây Trường II	Thửa số 61, tờ bản đồ 5	Lấy quỹ đất công ấp ông Chài
-	Chuyển mục đích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp hộ gia đình cá nhân	SKC	260,00		260,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký
8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản								
9	Đất có di tích lịch sử văn hóa								
-	Khu di tích ấp Bến Tượng	DDT	0,21		0,21	TSC	Lai Hưng	Thửa 812, tờ bản đồ 28	Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Bình Dương; Đang thực hiện; Đất công xã quản lý, đưa vào đề cấp giấy chứng nhận
-	Bia tường niệm chiến thắng Đồng Sở	DDT	0,05		0,05	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSDD 2020
10	Đất danh lam thắng cảnh								
11	Đất bãi thải, xử lý chất thải								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,70		0,70	NTD	Lai Uyên	Thửa 412, tờ bản đồ số 11	Lấy quỹ đất Nghĩa địa Bến Lớn; Đất công
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	1,00		1,00	CLN	Hung Hòa	1 phần thửa 12, tờ bản đồ 11	Đất công ty cao su Phước Hòa
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,46	0,46		DRA	Trừ Văn Thố	Thửa 197, tờ bản đồ 14	Hiện trạng đã kiểm kê bãi rác
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,50		0,50	CLN	Long Nguyên	1 phần thửa 1478 tờ bản đồ 77	Đất công
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,50		0,50	NTD	Long Nguyên	1 phần thửa 180, tờ bản đồ 27	Đất nghĩa địa; Đất công
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,30		0,30	NTD	Cây Trường II	1 phần thửa số 78, tờ bản đồ 16	Lấy quỹ đất nghĩa địa
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	2,00		2,00	CLN	Tân Hưng	Thửa 104, tờ bản đồ số 25	Đất công ty cao su
12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan								
-	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	TSC	0,11		0,11	DYT	Hung Hòa	Thửa 69, tờ BĐ 18	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Hưng Hòa
-	Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy	TSC	4,00	4,00		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/12/2017 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2018
-	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng	TSC	0,50	0,50		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự	TSC	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Viện KSND huyện Bàu Bàng	TS C	0,27	0,27		CLN	Lai Uyên	Thửa 1959, tờ 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Kho bạc nhà nước Bàu Bàng	TS C	0,35	0,35		CLN	Lai Uyên	Thửa 1980, tờ 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Chi cục thuế huyện Bàu Bàng	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trụ sở Chi cục thống kê	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Đài truyền thanh	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Đội quản lý thị trường	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	TS C	0,21	0,21		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị	TS C	0,42	0,42		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trụ sở Trung tâm lưu trữ	TS C	0,22	0,22		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Xí nghiệp công trình công cộng	TS C	0,61	0,61		CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 41	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Nhà làm việc của khối đoàn thể và bộ phận một cửa xã Long Nguyên	TSC	0,38		0,38	DVH	Long Nguyên	Thửa 54, tờ bản đồ 29	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 Lấy quỹ đất từ trung tâm văn hóa xã
-	Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	TSC	0,17		0,17	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 1308, tờ bản đồ 87	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 Lấy quỹ đất trường THCS cũ
13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp								
14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao								
15	Đất cơ sở tôn giáo								
-	Chi hội Tin lành Tân Hưng	TON	0,06		0,06	CLN	Tân Hưng	Thửa 44, tờ bản đồ số 7	Phòng Nội vụ đăng ký
-	Chùa Đại Bi	TON	0,51		0,51	CLN	Long Nguyên	Thửa 918, tờ bản đồ 34	UBND xã ý kiến tại Hội nghị NGÀY 3/12/2020
-	Đất tôn giáo	TON	0,61		0,61	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 46, tờ bản đồ số 15	UBND xã ý kiến tại Hội nghị NGÀY 3/12/2020
16	Đất nghĩa trang nghĩa địa								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Đất nghĩa địa cũ	NTD	1,50	1,50		CLN	Long Nguyên	Thửa 11, Tờ BD 73	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Nghĩa trang Long nguyên (mở rộng)	NTD	3,06		3,06	CLN	Long Nguyên	Thửa 945, tờ bản đồ 27	Chưa cấp GCN QSDĐ
-	Nghĩa trang nhân dân xã Cây Trường II	NTD	4,48		4,48	CLN	Cây Trường II	Thửa 16, tờ bản đồ số 9	Đất công ty cao su
-	Nghĩa trang Hưng Hòa	NTD	3,00		3,00	CLN	Hưng Hòa	1 phần thửa 12, tờ bản đồ 11	Đất công ty cao su Phước Hòa
-	Nghĩa trang nhân dân TT. Lai Uyên (mở rộng)	NTD	0,17		0,17	CLN	Lai Uyên	Thửa 430, 62, 63, 64, tờ bản đồ 17	
-	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Trừ Văn Thố	NTD	0,73		0,73	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 111, tờ bản đồ 24	
-	Nghĩa trang liệt sĩ huyện	NTD	2,24		2,24	CLN	Lai Hưng	Thửa số 499, tờ bản đồ 37	Đất công giáp Đài Việt; Bỏ sung kiểm kê
17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng								
-	Khai thác sét, gạch ngói	SKX	4,69		4,69	CLN	Long Nguyên	Thửa 1085 (77), thửa 179 (48)	Công văn 34/KTM-CTY ngày 27/03/2018 của Công ty CP VLXD BD; Công văn 5842/UBND-SX ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh
-	Khai thác sét, gạch ngói	SKX	4,10		4,10	CLN	Long Nguyên	Thửa đất 807, 940, tờ bản đồ 77	Giấy phép khai thác khoáng sản số 175/GP-UBND ngày 7/8/2017 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (mở rộng)	SKX	65,00		65,00	CLN	Long Nguyên		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
18	Đất sinh hoạt cộng đồng								
-	Văn phòng áp 1	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thuộc khu 5ha: UBND xã 2,0ha, Trường THPT 2,0 ha, Công An 0,5ha và văn phòng áp 1 là 0,5ha (1 phần thửa 33, tờ bản đồ 15)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng áp 2	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 376, tờ bản đồ 5	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng áp 3	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 313, tờ bản đồ 3	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng áp 4	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 506, tờ bản đồ 4	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng áp 5	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 541, tờ bản đồ 4	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng áp 6	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 222, tờ bản đồ 13	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng áp Lai Khê (Chốt dân quân)	DSH	0,03		0,03	CLN	Lai Hưng	Thửa số 570, tờ bản đồ 16	Chưa cấp GCN QSDĐ
-	Văn phòng áp Lai Khê mới	DSH	0,10		0,10	CLN	Lai Hưng	Thửa số 250, tờ bản đồ 40	Đất công xã quản lý, đưa vào để cấp giấy chứng nhận
-	Chốt văn phòng áp Lai Khê (tổ 1)	DSH	0,10		0,10	CLN	Lai Hưng	Thửa số 88, tờ bản đồ 21	Đất công xã quản lý, đưa vào để cấp giấy chứng nhận
-	Văn phòng áp Cầu Sắt	DSH	0,10		0,10	DGD	Lai Hưng	1 phần thửa 77, tờ bản đồ 3	Trường TH Lai Hưng cũ

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Văn phòng khu phố Đồng Chèo	DSH	0,30		0,30	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 87, tờ 38	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Văn phòng khu phố Bàu Bàng	DSH	0,05		0,05	CLN	Lai Uyên	Tờ số 40	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND
-	Văn phòng khu phố Bàu Hót	DSH	0,15		0,15	CLN	Lai Uyên	Thửa 184, tờ bản đồ số 7	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng khu phố Đồng Sỏ	DSH	0,08		0,08	CLN	Lai Uyên	Tờ 56	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp Nhà Mát	DSH	0,02		0,02	CLN	Long Nguyên	Thửa số 457, tờ bản đồ 9	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Văn phòng ấp Bến Sắn	DSH	0,27		0,27	DVH	Long Nguyên	Thửa 1418, tờ bản đồ 77	Lấy quỹ đất từ cụm văn hóa ấp Bến Sắn
-	Văn phòng ấp Long Thành	DSH	0,41		0,41	DGD	Long Nguyên	Thửa 46, tờ bản đồ 7	Lấy quỹ đất từ trường MN Sao Mai
-	Văn phòng ấp Long Thành (cũ)	DSH	0,50		0,50	CLN	Long Nguyên		Đất công ty cao su Dầu Tiếng
-	Văn phòng ấp 1	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ 28	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp 2	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 5, tờ bản đồ 28	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 3	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ 25	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 4	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 5, tờ bản đồ 26	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 5	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ 26	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp 1	DSH	0,03		0,03	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 646, tờ bản đồ số 9	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
19	Đất khu vui chơi giải trí công cộng								
-	Đất khu vui chơi giải trí công cộng (quỹ đất dự trữ)	DKV	15,00		15,00	CLN			
-	Công viên Bằng Lăng (khu phố Bàu Lông)	DKV	0,11		0,11	TSC	Lai Uyên	Thửa 18, tờ bản đồ số 1	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Lấy quỹ đất cửa hàng Lai uyên (Đất công)
-	Khu vui chơi thể thao	DKV	0,22		0,22	DGD	Lai Uyên	Thửa 55, 1 phần thửa 171, tờ 10	Trên nền đất PH trường mầm non, KP Đồng Chèo Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Công viên ấp Long Bình	DKV	0,15		0,15	DCH	Long Nguyên	Thửa 226, tờ bản đồ 16	Lấy quỹ đất từ chợ Long Bình
-	Khu vui chơi giải trí	DKV	0,51		0,51	CLN	Cây Trường II	Thửa 21, tờ bản đồ 32	Lấy quỹ đất công ấp bà Tứ

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu vui chơi thể thao Yên Dương	DKV	0,25		0,25	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 1646, Tờ bản đồ 39	Văn bản số 1741/UBND-KT ngày 26/5/2020 của UBND huyện Bàu Bàng v/v địa điểm xây dựng khu vui chơi thể thao Yên Dương của ông Trần Phi Thường
20	Đất cơ sở tín ngưỡng								
21	Đất giáo dục đào tạo								
-	Trường mầm non Tân Hưng	DGD	2,00		2,00	CLN	Tân Hưng	Thửa số 296, tờ bản đồ 25	Quyết định số 3515/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019
-	Trường mầm non Lai Hưng	DGD	1,37		1,37	DVH	Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	
-	Trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,71		1,71	CLN	Lai Uyên	Tờ BĐ 54	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59; Đất công ty Becamex đã bàn giao (Đã xây dựng và đi vào hoạt động)
-	Trường mầm non Ánh Dương 2	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Trường mầm non Hưng Hòa (khu đất công 6,1ha)	DGD	1,15		1,15	CLN	Hưng Hòa	Thửa 536, tờ bản đồ 13	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Trường mầm non Sao Mai (Khu 8,6ha)	DGD	1,04		1,04	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường mầm non và sân bóng	DGD	4,15		4,15	CLN	Cây Trường II	Thửa số 569, tờ bản đồ 20	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Lấy quỹ đất công áp bà Tứ
-	Trường mầm non xã Trừ Văn Thố	DGD	0,70		0,70	CLN	Trừ Văn Thố	Một phần thửa số 312, tờ bản đồ 10	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Trường Tiểu học Kim Đồng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Hưng	Tờ bản đồ số 48	Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018; Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Trường Tiểu học Kim Đồng, huyện Bàu Bàng
-	Trường Tiểu học Bàu Bàng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên	Thửa 989, tờ số 56	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
	Trường Tiểu học Bàu Bàng 2	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Trường Trung học cơ sở Tân Hưng	DGD	3,00		3,00	CLN	Tân Hưng		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
-	Trường Trung học cơ sở tạo nguồn Lai Uyên	DGD	3,52		3,52	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
-	Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	DGD	2,43		2,43	CLN	Lai Uyên	Thửa 1154, 1155, tờ bản đồ 50	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Trường Trung học cơ sở Long Bình (khu 8,6ha)	DGD	1,60		1,60	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường Trung học phổ thông Hưng Hòa	DGD	2,00		2,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trường Trung học phổ thông Long Nguyên (Khu 8,6ha)	DGD	1,77		1,77	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường Trung học phổ thông Tân Hưng	DGD	3,00		3,00	CLN	Tân Hưng	Thửa 133, tờ bản đồ số 25	
-	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	DGD	3,00		3,00	CLN	Lai Uyên		
-	Khu trường đại học (thuộc khu công nghiệp khoa học công nghệ)	DGD	25,00		25,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu Viện trường (thuộc khu công nghiệp khoa học công nghệ)	DGD	242,00		242,00	CLN	Cây Trường II, Trừ Văn Thố		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu Đô thị đại học Cống Xanh	D GD	547,00		547,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
-	Trường Đại học Y Dược	DGD	115,00		115,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
22	Đất xây dựng cơ sở văn hóa		0,00						
-	Khu văn hóa, công trình công cộng (Trung tâm văn hóa, Trường học, Trạm cấp nước sạch,...)	DVH	10,00		10,00	CLN	Cây Trường II	Thửa 59 tờ bản đồ số 13	Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
-	Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng	DVH	4,90		4,90	CLN	Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018; Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Bàu Bàng	DVH	4,00		4,00	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 42	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về KH đầu tư công trung hạn GPĐ 2016-2020
-	Trung tâm văn hóa thể thao (Liên đoàn lao động Tỉnh)	DVH	3,00		3,00	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 42	Công văn số 4937/UBND-KT ngày 6/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện dự án thiết chế công đoàn tại KCN Bàu Bàng Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư Trung tâm thể thao công nhân lao động
-	Trung tâm văn hóa TT. Lai Uyên	DVH	2,00		2,00	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa đất số 5 và 6, tờ bản đồ số 26	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017 Đã xây dựng, chưa thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu văn hóa khu phố Cây Sắn	DVH	0,02		0,02	CLN	Lai Uyên	Thửa 477, tờ 16	Đất công
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Long Nguyên (Khu 8,6ha)	DVH	2,14		2,14	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bầu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Cụm văn hóa ấp Bến Sắn	DVH	0,53		0,53	DSH	Long Nguyên	Thửa 1419, tờ bản đồ 77	Lấy quỹ đất từ văn phòng ấp Bến Sắn
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Hưng Hòa	DVH	4,20		4,20	CLN	Hưng Hòa	Thửa 537, 538 tờ bản đồ 13	Đang giải phóng mặt bằng, chưa cấp GCN QSDĐ
-	Mở rộng Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng	DVH	1,50		1,50	CLN	Tân Hưng	Thửa 74,75,76,77,78,79,84, 85,90,91, tờ số 13	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3	DVH	0,32		0,32	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13	Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình cải tạo cơ sở cũ văn phòng ấp 3 thành Trung tâm văn hóa xã Trừ Văn Thố
-	Khu di tích lịch sử Dinh Điền 2	DVH	0,12		0,12	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 52, tờ BĐ 13	QĐ 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bầu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017; NQ số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016
-	Trung tâm văn hóa xã Trừ Văn Thố	DVH	0,37		0,37	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 135, tờ bản đồ 87	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Khu văn hóa - Thể dục thể thao + Sân bóng	DVH	5,00		5,00	CLN	Trừ Văn Thố	Trường Thiểu Niên 3	Chuyển tiếp ĐC QHSĐĐ 2020
-	Khu văn hóa - Thể dục thể thao	DVH	182,00		182,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV-IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bầu Bàng
-	Tượng đài huyện Bầu Bàng	DVH	0,20		0,20		Lai Uyên	Đất Becamex giao	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
23	Đất thể dục thể thao								
-	Nhà thi đấu đa năng	DTT	3,00		3,00	TMD	Lai Uyên	Khu dân cư 5E	
24	Đất khoa học và công nghệ								
25	Đất dịch vụ xã hội								
-	Trung tâm Phục hồi chức năng và Trợ giúp trẻ khuyết tật	DXH	16,12		16,12	HNK	Long Nguyên	Thửa 222, 223, 224, 225, tờ bản đồ 51	Văn bản số 2080/UBND-KT của UBND tỉnh Bình Dương ngày 29/4/2020 v/v chủ trương giao khu đất xây dựng Trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ em khuyết tật
26	Đất y tế								
-	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng	D Y T	3,43		3,43	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 41	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trạm y tế xã Hưng Hòa	D YT	0,20	0,08	0,12	CLN	Hưng Hòa		Đã xây dựng nhưng chưa được cấp GCN QSDĐ
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Long Nguyên	DYT	0,30		0,30	CLN	Long Nguyên		
27	Đất thủy lợi								
-	Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Bầu Lông đoạn từ cống ngang Quốc lộ 13 đến đường ĐT 750, ấp Bầu Lông	DTL	0,69		0,69	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 02, 03, 04	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 24/05/2017 của UBND huyện Bầu Bàng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Bầu Lông đoạn từ cống ngang Quốc lộ 13 đến đường ĐT 750, ấp Bầu Lông
-	Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương	DTL	22,20		22,20	CLN, ONT, SKC	Lai Hưng, Lai Uyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
28	Đất công trình năng lượng								
-	Đường điện 500KV Đức Hòa - Chơn Thành	DNL	4,61		4,61	CLN	Trừ Văn Thố, Cây Trường II	Công trình dạng tuyến	Công văn số 3181/UBND-KTN ngày 2/7/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến đoạn đường G22.1 đến 22.3 của công trình đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành
-	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	DNL	1,25		1,25	CLN	Trừ Văn Thố, Lai Uyên, Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Công văn 4164/CPMB-ĐB ngày 26/07/2018 của BQLDA các công trình điện miền Trung
-	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	DNL	1,00		1,00	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Long Nguyên	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 3189/UBND-KTN ngày 02/07/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 220kV Bến Cát 2 và đường dây đầu nối
-	Lộ ra 110kV trạm 220kV Lai Uyên	DNL	0,28		0,28		Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)
-	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	DNL	1,00		1,00	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 970/PCBD-KVVT ngày 20/3/2020 của công ty điện lực Bình Dương đề nghị thông qua HĐND tỉnh
-	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	DNL	0,30		0,30	CLN	Lai Hưng	Tờ DC 34, DC 25, DC 22DC15, DC11, DC10, DC40, DC 37	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Công trình TBA 110kV Bầu Bàng 3 và đường dây đầu nối	DNL	0,50		0,50		Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)
-	TBA 110kV Lai Khê và đường dây đầu nối	DNL	0,53		0,53		Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Theo QH điện lực giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035
-	Công trình trạm biến áp 110kV Công Xanh và đường dây đầu nối	DNL	0,10		0,10	CLN	Hưng Hòa	Công trình dạng tuyến	Công văn số 1707/UBND-KT ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Công Xanh và đường dây đầu nối
-	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây đầu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 970/PCBD-KVVT ngày 20/3/2020 của công ty điện lực Bình Dương đề nghị thông qua HĐND tỉnh
-	Công trình trạm biến áp 110kV Bầu Bàng 2 và đường dây đầu nối	DNL	0,70		0,70	CLN	Lai Hưng	KCN và đô thị Bầu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Trụ đầu nối trạm biến áp 220 kV	DNL	0,08		0,08	CLN	Lai Hưng		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Công trình trạm biến áp 110kV Bầu Bàng và đường dây 110kV Bầu Bàng - trạm 220 kV Bến Cát	DNL	0,70		0,70	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên	KCN và đô thị Bầu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trạm biến áp 110KV	DNL	0,40		0,40	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSDD 2020
-	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	DNL	1,30		1,30	CLN	Long Nguyên, Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Công văn số 5823/UBND-KT ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát
29	Đất bưu chính viễn thông								
30	Đất chợ								
-	Chợ Lai Uyên	DCH	0,36		0,36	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa 73, tờ 7	Đang sử dụng, chưa được cấp giấy CNQSDĐ
-	Chợ áp Cầu Sắt	DCH	0,50		0,50	CLN	Lai Hưng		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chợ áp Bàu Bàng	DCH	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chợ áp 1	DCH	0,50		0,50	CLN	Trừ Văn Thố		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
31	Đất khu cụm dân cư								
-	Khu nhà ở Thăng Long	ONT	21,64		21,64	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa đất số 127, 51, 48, 145, 47, 291, tờ bản đồ 24	Văn bản số 4935/UBND-KTN của UBND tỉnh Bình Dương ngày 30/9/2019 v/v chấp thuận cho đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Thăng Long
-	Khu nhà ở Hoàng Cát center	ODT	7,43		7,43	CLN	Lai Uyên	Thửa 02, 03, 04, 786, tờ bản đồ 27	Công văn số 1691/UBND-KTN ngày 17/04/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận cho công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Địa ốc Hoàng Cát Bình Dương làm chủ đầu tư Khu nhà ở Hoàng Cát Center
-	Khu nhà ở Quang Khải	ODT	10,78		10,78	CLN	Lai Uyên	Thửa đất số 73, 186, tờ bản đồ 36	
-	Khu nhà ở M&C Lai Hưng (Công ty CP VLXD Bình Dương)	ONT	6,20		6,20	CLN	Lai Hưng	Thửa đất số 22, tờ bản đồ 42; Thửa đất 95, 96, 97, 98, 99, 100, tờ bản đồ 21	Công văn số 6330/UBND-KTN ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh
-	Giao đất các hộ dân thuộc khu đất công 6,1ha	ONT	0,61		0,61	CLN	Hưng Hòa	Thửa 72, 73, tờ bản đồ 13	Công văn số 310/UBND-KTN ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v xử lý kiến nghị liên quan đến điều chỉnh diện tích thu hồi tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh
-	Khu dân cư 5A, ấp 5, Lai Uyên	ODT	37,71	37,71			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5B, ấp 5, Lai Uyên	ODT	31,28	31,28			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5C, ấp 5, Lai Uyên	ODT	0,20	0,20			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5D, ấp 5, Lai Uyên	ODT	45,24	45,24			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư 5F, ấp 5, Lai Uyên	ODT	9,79	9,79			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư Lai Hưng	ODT	19,05	19,05			Lai Hưng		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu tái định cư Long Nguyên	ONT	7,13		7,13	CLN	Long Nguyên	Thửa 1478, 1507, 1735, tờ bản đồ 77	
-	Khu dân cư, tái định cư nhà ở công nhân Lai Uyên	ODT	52,22		52,22	CLN	Lai Uyên	Thửa 2, 1 phần thửa 3, Tờ bản đồ 32	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDD giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư, tái định cư nhà ở công nhân Tân Hưng 2	ONT	249,08		249,08	CLN	Tân Hưng	Thửa 141, Tờ bản đồ 25; Thửa 2, 3, Tờ bản đồ 28	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDD giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư, tái định cư nhà ở công nhân Tân Hưng 1	ONT	18,24		18,24	CLN	Tân Hưng	Thửa 28, 74, 132, 137, 130, 138, 73, 131, 1p29, 1p1, 1p136, Tờ bản đồ 25; Thửa 1, 2, 3, 4, 5, Tờ bản đồ 26	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDD giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư, tái định cư nhà ở công nhân Bồ Lá 2	ONT	55,64		55,64	CLN	Hưng Hòa		Công ty cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư và dịch vụ thương mại (Viện nghiên cứu cao su Việt Nam)	ONT	127,15		127,15	CLN	Lai Hưng	Thửa 235, 236, 152, Tờ bản đồ 40	Công văn số 374/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 12/6/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v thống nhất QHSDD GD 2021-2030 của Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam tại xã Lai Hưng
-	Khu nhà ở Thăng Long giai đoạn 2	ONT	18,29		18,29	CLN	Trừ Văn Thố	Các thửa 48, 51, 291, 1p47, 1p127, tờ bản đồ 24	Văn bản số 4935/UBND-KTN của UBND tỉnh Bình Dương ngày 30/9/2019 v/v chấp thuận cho đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Thăng Long
-	Khu dân cư Đồng Sỏ (Khu 1)	ODT	36,30		36,30	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 43, 44	Văn bản số 2653/UBND-KTN ngày 6/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án khu đô thị Royal Town, KP Đồng Sỏ, TT. Lai Uyên
-	Khu dân cư Đồng Sỏ (Khu 2)	ODT	20,70		20,70	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 43, 44	
-	Khu dân cư Lai Hưng	ONT	31,10		31,10	CLN	Lai Hưng	Tờ bản đồ 26, 33	Văn bản số 2681/UBND-KTN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Hưng và khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng
-	Khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng	ONT	83,00		83,00	ONT	Lai Hưng	Tờ bản đồ 26, 33	Văn bản số 2681/UBND-KTN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Hưng và khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu nhà ở chuyên gia 1 (thuộc khu công nghiệp khoa học công nghệ)	ONT	59,00		59,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu nhà ở chuyên gia 2 (thuộc khu công nghiệp khoa học công nghệ)	ONT	82,00		82,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu nhà ở chuyên gia 3 (thuộc khu công nghiệp khoa học công nghệ)	ONT	25,00		25,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 1	ONT	76,00		76,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 2	ONT	83,00		83,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 3	ONT	60,00		60,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 1	ODT	46,00		46,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 2	ODT	48,00		48,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 3	ODT	45,00		45,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 4	ODT	106,00		106,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 5	ODT	99,00		99,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 6	ODT	87,00		87,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 7	ODT	92,00		92,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 8	ODT	86,00		86,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 9	ODT	99,00		99,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 10	ODT	97,00		97,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 11	ODT	89,00		89,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 12	ODT	80,00		80,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 13	ODT	82,00		82,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 14	OD T	63,00		63,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 15	OD T	66,00		66,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 16	OD T	85,00		85,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 17	OD T	100,00		100,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 18	OD T	103,00		103,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSĐĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Chuyển mục đích đất ở hộ gia đình cá nhân	ONT, ODT	440,00		440,00	CLN, HNK			Hộ gia đình cá nhân đăng ký

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
32	Đất nông nghiệp khác								
-	Khu vực Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Nông trường Long Hòa (Năm 2021: 67,37ha)	NKH	138,62		138,62	CLN	Cây Trường II		
-	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Viện nghiên cứu cao su Việt Nam)	NKH	28,25		28,25	CLN	Lai Hưng	Thửa 342, tờ bản đồ 38; Thửa 423, Tờ bản đồ 39	Công văn số 4996/UBND-KTN ngày 3/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng của công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng
-	Khu nông nghiệp công nghệ cao	NKH	168,00		168,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDD đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp khác hộ gia đình cá nhân	NKH	60,00		60,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký